

Số: 1281/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 7081/TTr-BKHĐT ngày 05 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về tính hợp pháp, chính xác, số liệu, thông tin, nội dung hồ sơ, trình tự, thủ tục, các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo đảm phù hợp với nội dung Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch Tổng thể quốc gia, các Quy hoạch ngành quốc gia, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định có liên quan.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN (2b). ĐTQ



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-TTg
ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh hỗ trợ việc chuyển đổi và phát triển của các ngành, các tiêu vùng, các địa phương trong vùng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và bối cảnh hội nhập quốc tế.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển nhanh và bền vững vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, trong đó đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển, du lịch, dịch vụ.

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển của các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và địa phương theo hướng giá trị cao và hiệu quả cao.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, cảng biển, sân bay, cấp nước, giáo dục, y tế.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm

a) Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế của vùng gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng

- Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng có lợi thế, các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp chế biến và một số ngành công nghiệp mới.

- Tập trung phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn để vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước.

- Phát triển logistic theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; hình thành các trung tâm logistic gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, công nghiệp văn hóa, thể thao.

- Phát triển ngành nông nghiệp của vùng theo hướng sinh thái, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Cơ cấu lại ngành nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao.

- Phát triển kinh tế biển nhanh, bền vững, nhất là các ngành về dịch vụ, công nghiệp, du lịch biển, kinh tế hàng hải; phát triển các đô thị ven biển gắn kết hài hòa với khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; phát triển ngành nuôi trồng, khai thác và chế biến hải sản đi đôi với bảo vệ môi trường biển; phát triển công nghiệp ven biển và ngoài khơi.

b) Hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, tập trung vào hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng xã hội, hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thành xây dựng, mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông trên địa bàn vùng theo quy chuẩn; phát triển các tuyến đường bộ cao tốc kết

nối Đông - Tây, kết nối các cảng biển đặc biệt, cảng hàng không quốc tế với các địa phương vùng Tây Nguyên và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, vương quốc Campuchia.

- Hoàn thành kết nối tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng, tạo vành đai bảo vệ bờ biển, đồng thời thúc đẩy liên kết, phát triển đô thị, dịch vụ và du lịch.

- Phát triển đường sắt trong vùng theo hướng ưu tiên các tuyến đường sắt kết nối các đô thị lớn với các ga đường sắt quốc gia, đặc biệt các ga đường sắt tốc độ cao trong vùng; một số tuyến đường sắt kết nối giữa cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng cạn, trung tâm logistic, cửa khẩu quốc tế với mạng lưới đường sắt quốc gia để sớm hình thành mạng đường sắt vận tải hành khách và hàng hóa, nâng cao hiệu quả vận tải trong vùng.

- Từng bước đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, ưu tiên đoạn qua địa bàn vùng thuộc đoạn tuyến Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phát triển hệ thống cảng biển đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa; ưu tiên nguồn lực phát triển các cảng biển có tiềm năng thành cảng biển đặc biệt, nhất là các cảng biển ở Thanh Hóa, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

- Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác của 09 cảng hàng không hiện có trong vùng.

- Phát triển hạ tầng năng lượng và hoàn thiện mạng lưới điện trên địa bàn vùng đồng bộ, hiện đại theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển hệ thống thủy lợi bảo đảm tưới, tiêu, cấp, thoát nước cho nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế, phù hợp với Quyết định số 847/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo vệ môi trường, chủ động kiểm soát mặn, ngọt tại các vùng cửa sông, vùng ven biển.

- Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông phù hợp với Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm hiện đại, đồng bộ đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

c) Tập trung phát triển vùng động lực miền Trung, phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây

- Phát triển tiểu vùng Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị) trở thành khu vực tăng trưởng quan trọng về công nghiệp, dịch vụ, đô thị biển của vùng và cả nước.

- Tập trung phát triển các khu vực ven biển thuộc Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi trở thành vùng động lực miền Trung của cả nước, trong đó thành phố Đà Nẵng là cực tăng trưởng quốc gia, Quảng Nam là trung tâm công nghiệp cơ khí và công nghiệp phụ trợ, Thừa Thiên Huế là trung tâm công nghiệp văn hóa, khoa học và công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, dịch vụ cảng biển, thương mại, tài chính tầm quốc tế cao, Quảng Ngãi là trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng, trung tâm du lịch biển đảo, Bình Định là trung tâm công nghiệp công nghệ thông tin, dịch vụ và du lịch, trung tâm lớn của cả nước về phát triển kinh tế biển.

- Phát triển tiểu vùng Nam Trung Bộ (Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận) trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng, dịch vụ du lịch, đô thị ven biển của cả nước. Xây dựng Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng tại tỉnh Ninh Thuận.

- Phát triển hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Đông (đoạn từ Thanh Hoá đến Bình Thuận) trên cơ sở đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, quốc lộ 1A, đường sắt Bắc - Nam và đường sắt tốc độ cao trong tương lai.

- Phát triển hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Tây (đoạn từ Thanh Hoá đến Quảng Ngãi) nhằm thúc đẩy phát triển, liên kết vùng, gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh.

- Phát triển các hành lang kinh tế Đông - Tây: Cầu Treo - Vũng Áng, Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng, Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn.

- Nghiên cứu xây dựng hành lang kinh tế Bờ Y - Quảng Nam - Đà Nẵng; hành lang kinh tế Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa; hành lang kinh tế kết nối khu vực Nam Tây Nguyên (Đắk Nông, Lâm Đồng) với khu vực duyên hải Nam Trung Bộ (Ninh Thuận, Bình Thuận).

d) Xây dựng và phát triển hệ thống đô thị: Phát triển hệ thống đô thị trong vùng theo mạng lưới, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm. Phát triển hệ thống đô thị loại I, II, III theo mô hình đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Về hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đồng bộ, hiện đại, phù hợp với điều kiện của vùng, tiểu vùng. Xây dựng, nâng cấp mở rộng trung tâm chỉ huy, trụ sở,

doanh trại cho các đơn vị cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đảm bảo ổn định lâu dài và phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các địa phương trong vùng. Phát triển đồng bộ hệ thống cấp nước, hạ tầng giao thông, hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

e) Về kết cấu hạ tầng xã hội cấp vùng: Phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng xã hội đồng bộ trên địa bàn vùng bao gồm mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội, mạng lưới cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe, mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao, mạng lưới khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hạ tầng thương mại và logistic, hạ tầng báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, trong đó các cơ sở hạ tầng cấp quốc gia thực hiện theo các quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia được phê duyệt.

g) Về quốc phòng, an ninh: Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn vùng, trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng; Quy hoạch các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng; Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt bản đồ quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn vùng.

h) Đánh giá thực hiện các mục tiêu quy hoạch: Các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu quy hoạch vùng đề ra (chi tiết tại Phụ lục I).

2. Dự kiến triển khai các dự án quan trọng của vùng

a) Dự kiến triển khai các dự án quan trọng sử dụng vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với các định hướng phát triển của đất nước, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

+ Là các dự án quan trọng đã được xác định trong quy hoạch vùng; các dự án phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia trên địa bàn vùng.

- Dự kiến các dự án quan trọng cần ưu tiên thực hiện:

+ Ưu tiên cao nhất cho việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật có tính kết nối liên vùng, liên tỉnh, gồm: hệ thống giao thông kết nối; phát triển nguồn điện, lưới điện; hạ tầng thủy lợi, cấp, thoát nước, phòng chống thiên tai; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các khu vực động lực đã được xác định trong quy hoạch vùng;

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dự án hạ tầng xã hội cấp vùng mang tính lan tỏa, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn vùng.

b) Dự kiến dự án quan trọng của vùng sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với các định hướng phát triển của đất nước, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

+ Phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển trong các quy hoạch cấp quốc gia và định hướng phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung.

- Loại hình dự án quan trọng dự kiến ưu tiên:

+ Các dự án đầu tư để hoàn thiện cơ sở hạ tầng của vùng trên cơ sở các công trình hạ tầng đã và đang được đầu tư dẫn dắt bởi các dự án đầu tư công, phát huy tối đa hiệu quả của các công trình hạ tầng đã được đầu tư. Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư bao gồm: Hệ thống cao tốc, cảng biển, hạ tầng logistics, hạ tầng các khu công nghiệp, các khu chức năng trong khu kinh tế, cấp nước sạch, phát triển nguồn điện, cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, dịch vụ.

+ Thu hút đầu tư các dự án chip bán dẫn, công nghiệp lọc, hóa dầu, sản xuất ô tô, du lịch, dịch vụ y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, công nghiệp văn hóa, thể thao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp điện, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, công nghiệp cơ khí.

c) Danh mục các dự án quan trọng của vùng dự kiến triển khai: Chi tiết tại Phụ lục II.

3. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia, Kế hoạch sử dụng đất của các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương thời kỳ 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền ban hành, các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng có trách nhiệm triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn vùng phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù

Các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù đã được xác định trong quy hoạch vùng, trình cấp có thẩm quyền ban hành để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng (chi tiết tại Phụ lục III).

5. Danh mục các quy hoạch hết hiệu lực

Danh mục các quy hoạch trên địa bàn vùng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành trung ương hết hiệu lực, trong đó có các Quy hoạch đã được tích hợp vào Quy hoạch vùng theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục IV).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương trong vùng triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

b) Huy động nguồn lực trong nước, quốc tế, điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án để triển khai thực hiện quy hoạch vùng; hoạt động xúc tiến đầu tư chung của vùng.

c) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch vùng, cơ chế điều phối, liên kết vùng trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Công bố Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên

hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư, đối tác phát triển trong nước và quốc tế nhằm huy động nguồn lực thực hiện các mục tiêu quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ hằng năm và 05 năm về kết quả thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan

- Tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng theo chức năng quản lý, đảm bảo cụ thể hóa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng triển khai các chương trình, dự án đã được xác định tại Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng quản lý;

- Ưu tiên nguồn lực và tập trung triển khai các chương trình, dự án về: giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, bảo vệ tài nguyên, môi trường trên địa bàn vùng, góp phần giải quyết an sinh xã hội, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa đa dạng, đặc sắc của vùng;

- Đánh giá việc thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng theo chức năng quản lý; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá việc thực hiện quy hoạch vùng hằng năm, 05 năm theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Các địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân hiểu đúng và đầy đủ về nội dung Quy hoạch vùng và Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung;

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch ngay sau khi quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gắn với việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và Kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương;

- Trường hợp cần thiết, rà soát trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh Quy

hoạch tỉnh bảo đảm phù hợp với Quy hoạch vùng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai cho các chương trình, dự án; chủ trì thực hiện việc giải phóng mặt bằng để thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn theo chức năng quản lý;

- Tổ chức lập quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn thuộc phạm vi quản lý đảm bảo cụ thể hóa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt; xây dựng, triển khai các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong vùng tổ chức thực hiện chương trình, dự án sau quy hoạch theo phân cấp quản lý nhà nước.

- Phối hợp và triển khai đồng bộ các dự án có tính chất liên vùng, liên tỉnh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định 1281/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân	%		7,5 - 8%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu kinh tế				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Dịch vụ	%	38 - 39		
	Công nghiệp	%	40 - 41%		
	Nông, lâm, thủy sản	%	10 - 11%;		
3	GDP bình quân đầu người	USD	6.485		Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	30		Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	>48		Bộ Xây dựng
6	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	>90		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	35 - 40		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
8	Tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia các cấp				Bộ Giáo dục và Đào tạo
	Mầm non	%	65 - 75		
	Tiểu học	%	75 - 85		
	Trung học cơ sở	%	70 - 80		
	Trung học phổ thông	%	60 - 70		
9	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường	35		Bộ Y tế

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
		bệnh			
10	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	15		Bộ Y tế
11	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	Giảm 1 - 1.5%/năm		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%		54	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	90		Bộ Tài nguyên và Môi trường
14	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	50		Bộ Tài nguyên và Môi trường
15	Số km đường cao tốc đến năm 2030	Km	1.554		Bộ Giao thông vận tải
16	Số tỉnh có đủ 03 loại hình thiết chế văn hóa	%	100		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phụ lục II
DỰ KIẾN PHÂN KỲ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA VÙNG
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1281/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
I	Phát triển công nghiệp							
1	Xây dựng, mở rộng và phát triển hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu hiện có và các khu kinh tế phát triển mới khi đủ điều kiện theo quy định; ưu tiên các khu kinh tế Nghi Sơn, Vũng Áng, Dung Quất, Nhơn Hội	Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định và các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận khi đủ điều kiện	UBND các tỉnh: Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Bình Thuận và các bộ, ngành có liên quan	X	X	X	X	X
2	Xây dựng, mở rộng hạ tầng các khu công nghiệp	Các tỉnh, thành phố trong vùng	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và các bộ, ngành có liên quan	X	X	X	X	X
3	Nghiên cứu mở rộng khu công nghệ cao Đà Nẵng và xây dựng mới các khu công nghệ cao khi đủ điều kiện theo quy định	Thành phố Đà Nẵng	UBND thành phố Đà Nẵng; Bộ Khoa học và Công nghệ	X	X	X	X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
II	Phát triển dịch vụ							
1	Đầu tư phát triển hạ tầng khu du lịch quốc gia Mũi Né, tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	UBND tỉnh Bình Thuận; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	X	X		X	X
2	Đầu tư phát triển hạ tầng các khu vực tiềm năng trở thành khu du lịch quốc gia tại các khu vực đã được xác định trong Quy hoạch ngành quốc gia	Các tỉnh, thành phố trong vùng	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	X	X	X	X	X
3	Đầu tư phát triển hạ tầng các trung tâm du lịch tại thành phố Huế, Đà Nẵng, Hội An, Quy Nhơn, Nha Trang	Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa	UBND các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa; thành phố Đà Nẵng và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	X	X		X	X
4	Xây dựng huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo, định hướng phát triển thành Khu du lịch quốc gia	Quảng Ngãi	UBND tỉnh Quảng Ngãi; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		X	X	X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
5	Bảo tồn, phát huy giá trị tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường du lịch trên địa bàn vùng	Các tỉnh, thành phố trong vùng	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và các bộ, ngành có liên quan		X	X	X	X
III	Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản							
1	Đầu tư phát triển, nâng cấp các khu nông, lâm nghiệp công nghệ cao, trong đó ưu tiên khu lâm nghiệp công nghệ cao tỉnh Nghệ An	Các tỉnh, thành phố trong vùng	UBND tỉnh, thành phố trong vùng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	X	X		X	X
2	Xây dựng 02 trung tâm nghề cá lớn tại Đà Nẵng và Khánh Hòa; các trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại huyện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận và các địa bàn có tiềm năng ở Ninh Thuận, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bình Định.	Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bình Định	UBND thành phố Đà Nẵng; UBND các tỉnh: Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bình Định và các bộ, ngành có liên quan	X	X		X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
IV	Kết cấu hạ tầng kỹ thuật							
IV.1	Hạ tầng giao thông							
IV.1.1	Mạng lưới giao thông cấp quốc gia							
1	Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường bộ cao tốc, tuyến quốc lộ kết nối quốc tế, liên vùng đảm bảo nhu cầu vận tải và tăng cường kết nối; tuyến đường bộ ven biển theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên đầu tư một số tuyến giao thông kết nối vùng như sau:			X	X	X	X	X
1.1	Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông trên địa bàn vùng	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Giao thông vận tải và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	X			X	X
1.2	Một số đoạn tuyến cao tốc kết nối Đông - Tây	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Giao thông vận tải và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	X	X	X	X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
1.3	Các tuyến đường bộ cao tốc kết nối Đông - Tây: Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; Hà Nội - Viêng Chăn (đoạn qua Nghệ An từ Vinh đến Thanh Thủy); Cam Lộ - Lao Bảo; Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh	Khánh Hòa, Đắk Lắk; Nghệ An; Quảng Trị; Bình Định, Gia Lai	Bộ Giao thông vận tải và UBND các tỉnh: Khánh Hòa, Đắk Lắk, Nghệ An, Quảng Trị, Bình Định, Gia Lai	X	X		X	X
2	Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến kết nối với cảng biển theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên một số tuyến:				X	X	X	X
2.1	Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam qua địa bàn vùng thuộc đoạn tuyến Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Thành phố Hồ Chí Minh	Các tỉnh, thành phố trong vùng có tuyến đường sắt tốc độ cao đi qua	Bộ Giao thông vận tải và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng		X		X	X
2.2	Xây dựng mới tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ	Tỉnh Hà Tĩnh	Bộ Giao thông vận tải; UBND tỉnh Hà Tĩnh	X	X		X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
2.3	Nghiên cứu kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo và tuyến Đà Nẵng - Tây Nguyên	Quảng Trị; Đà Nẵng, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước	Bộ Giao thông vận tải và UBND tỉnh, thành phố: Quảng Trị, Đà Nẵng, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước		X		X	X
3	Nâng cấp các cảng hàng không quốc tế (Đà Nẵng, Thọ Xuân, Vinh, Phú Bài, Chu Lai, Cam Ranh), cảng hàng không quốc gia (Đồng Hới, Phù Cát, Tuy Hòa) theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Đà Nẵng, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa, Quảng Bình, Bình Định, Phú Yên	Bộ Giao thông vận tải và UBND các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa, Quảng Bình, Bình Định, Phú Yên		X	X	X	X
4	Xây dựng cảng hàng không Phan Thiết, cảng hàng không Quảng Trị, cảng hàng không Thành Sơn theo quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Bình Thuận, Quảng Trị, Ninh Thuận	UBND các tỉnh Bình Thuận, Quảng Trị, Ninh Thuận; Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng		X		X	X
5	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo	Thanh Hóa,	Bộ Giao thông vận tải	X	X	X	X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	cảng biển, luồng hàng hải, khu bến, kết cấu hạ tầng cảng biển khác theo Quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên các cảng biển tại Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa	Nghệ An, Đà Nẵng, Khánh Hòa	và UBND các tỉnh/thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Khánh Hòa					
6	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thủy nội địa, các cảng, bến thủy nội địa theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Giao thông vận tải và UBND các tỉnh/thành phố trong vùng	X	X	X	X	
7	Xây dựng, nâng cấp cảng cạn, cụm cảng cạn theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch hệ thống cảng cạn quốc gia được phê duyệt	Các tỉnh, thành phố trong vùng	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và Bộ Giao thông vận tải	X	X	X	X	X
IV.1.2	Tuyến đường kết nối liên tỉnh							
8	Nghiên cứu xây dựng, nâng cấp các tuyến đường bộ liên tỉnh, kết nối vùng, liên vùng. Ưu tiên đầu tư các tuyến kết nối trọng			X	X	X	X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	điểm như sau:							
8.1	Tuyến đường kết nối thành phố Vinh (Nghệ An) với huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh)	Nghệ An, Hà Tĩnh	UBND các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh; Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan		X		X	
8.2	Tuyến đường kết nối huyện Hải Lăng (Quảng Trị) với đường tỉnh ĐT.4 tại huyện Phong Điền (Thừa Thiên Huế)	Quảng Trị, Thừa Thiên Huế	UBND các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế; Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan		X	X	X	
8.3	Tuyến đường kết nối tỉnh Bình Định (qua đường tỉnh ĐT.637) với huyện K'bang (Gia Lai)	Bình Định, Gia Lai	UBND các tỉnh Bình Định, Gia Lai; Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan		X		X	
8.4	Tuyến đường kết nối Cảng tổng hợp Cà Ná (Ninh Thuận) với khu vực Nam Tây Nguyên	Ninh Thuận	UBND tỉnh Ninh Thuận; Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan		X		X	X
8.5	Tuyến đường kết nối huyện	Ninh Thuận,	UBND các tỉnh Ninh		X		X	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận với huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (ĐT.709D)	Lâm Đồng	Thuận, Lâm Đồng; Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan					
8.6	Tuyến đường kết nối huyện Tuy Phong (Bình Thuận) với huyện Đức Trọng (Lâm Đồng)	Bình Thuận, Lâm Đồng	UBND các tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng; Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan		X	X	X	
9	Nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt đô thị kết nối Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng; Đà Nẵng - Quảng Nam; Quảng Nam - Quảng Ngãi	Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi	UBND các tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi; Bộ Giao thông vận tải		X	X	X	
IV.2	Hạ tầng cấp điện, cung cấp năng lượng							
1	Xây dựng mới và nâng cấp các nhà máy điện, mạng lưới truyền tải điện (550 kV, 220 kV), hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Công Thương; UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	X	X	X	X	X
2	Xây dựng mới và hình thành các	Các tỉnh, thành		X	X	X	X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	trung tâm, trung tâm tổng hợp cấp quốc tế, cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tiểu vùng về năng lượng, năng lượng tái tạo, năng lượng dầu khí, phù hợp với thực tiễn và theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	phổ trong vùng	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng; Bộ Công Thương					
3	Xây dựng trung tâm quốc gia về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng tái tạo tại Ninh Thuận	Ninh Thuận	UBND tỉnh Ninh Thuận; Bộ Công Thương		X	X	X	X
IV.3	Hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai							
1	Xây dựng mới các hồ chứa nước; nâng cao dung tích hồ chứa nước; xây dựng công trình khắc phục hạ thấp mực nước; xây dựng các tuyến kết nối, điều hòa, chuyển nước theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên các công trình:							

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
1.1	Công trình có quy mô lớn, tác động liên vùng, liên tỉnh, bảo đảm an toàn hồ chứa, tiêu thoát nước ra biển đối với khu vực từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế	Các tỉnh từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các tỉnh trong vùng	X	X		X	
1.2	Công trình kết nối, liên kết nguồn nước, cắt lũ, giảm lũ, sạt lở cửa sông có quy mô lớn, tác động liên vùng, liên tỉnh đối với khu vực từ Đà Nẵng đến Bình Thuận	Các tỉnh từ Đà Nẵng đến Bình Thuận	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các tỉnh trong vùng	X	X		X	
2	Nâng cấp hệ thống thủy lợi (Bái Thượng, Đô Lương, Nam Hưng Nghi, Kẻ Gỗ, Nam Thạch Hãn, An Trạch - Thanh Quýt - Bầu Nít - Hà Thanh, Tân An - Đập Đá, Đồng Cam, Nha Trinh - Lâm Cẩm)	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận	UBND các tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	X	X	X	X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
3	Đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình đê sông, biển, phòng chống xói lở và cấp nước sản xuất, sinh hoạt nông thôn theo định hướng tại Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng		X	X	X	X
IV.4	Hạ tầng cấp nước							
1	Xây dựng hệ thống cung cấp nước thô, nước sạch quy mô liên tỉnh; cấp nước sinh hoạt trên các đảo	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	X	X		X	X
IV.5	Hạ tầng thông tin và truyền thông							
1	Đầu tư các nhóm dự án hạ tầng thông tin và truyền thông theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên các nhóm dự án:							
1.1	Xây dựng trung tâm bưu chính khu vực miền Trung tại Đà Nẵng; trung tâm bưu chính	Đà Nẵng, Nghệ An, Khánh Hòa	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền	X	X		X	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	vùng tại tỉnh Nghệ An và Khánh Hòa		thông và UBND các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Nghệ An, Khánh Hòa và các bộ, ngành liên quan					
1.2	Xây dựng Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu của vùng	Đà Nẵng	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương trong vùng	X	X		X	X
1.3	Đề án nghiên cứu xây dựng Trung tâm chuyển đổi số vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Bình Định	Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành và các địa phương trong vùng	X	X		X	X
1.4	Nhóm dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin Vùng; ưu tiên xây dựng các khu công nghệ thông tin tập trung tại Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế	Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế	Các địa phương trong vùng và Bộ Thông tin và Truyền thông	X	X		X	X
IV.6	Hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão							
1	Xây dựng, nâng cấp các cảng							

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	cá cấp I và khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên các dự án:							
1.1	Các cảng cá loại I: cảng cá Thọ Quang, thành phố Đà Nẵng; cảng cá Đá Bạc, tỉnh Khánh Hòa	Đà Nẵng, Khánh Hòa	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND tỉnh Khánh Hòa, UBND thành phố Đà Nẵng	X	X		X	
1.2	Các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng tại các đảo hoặc gần với cảng cá loại I	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	X	X		X	
V	Kết cấu hạ tầng xã hội							
V.1	Mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội							
1	Xây dựng và nâng cấp mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo; giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội theo Quy hoạch, kế							

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên các cơ sở:							
1.1	Nâng cấp 02 đại học của vùng (Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng) thành đại học quốc gia, đạt trình độ tiên tiến khu vực	Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng	Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND các tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng	X	X		X	
1.2	Nâng cấp trường ĐHSP Huế thuộc ĐH Huế, trường ĐH Vinh, trường ĐHSP Đà Nẵng thuộc ĐH Đà Nẵng, trường ĐH Quy Nhơn thành các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm ngành sư phạm	Thừa Thiên Huế, Nghệ An, Đà Nẵng, Bình Định	Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND các tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Nghệ An, Đà Nẵng, Bình Định		X	X	X	
1.3	Đầu tư 01 - 02 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao tại Đà Nẵng và Nghệ An	Đà Nẵng, Nghệ An	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các tỉnh, thành phố: Nghệ An, Đà Nẵng		X	X	X	
1.4	Xây dựng và nâng cấp 01 - 02 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo	Thanh Hóa, Bình Định,	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các		X	X	X	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	và thực hành nghề chất lượng cao tại Thanh Hóa và Bình Định hoặc Khánh Hòa	Khánh Hòa	tỉnh: Thanh Hóa, Bình Định, Khánh Hòa					
V.2	Mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe							
1	Xây dựng, nâng cấp mạng lưới cơ sở y tế theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên các cơ sở:							
1.1	Đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Trung ương Huế trở thành bệnh viện cấp chuyên sâu kỹ thuật cao, hiện đại ngang tầm khu vực và quốc tế	Thừa Thiên Huế	Bộ Y tế và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	X	X		X	
1.2	Xây dựng, nâng cấp bệnh viện đa khoa/chuyên khoa, bệnh viện đại học của một số tỉnh,	Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế,	UBND các tỉnh, thành phố: Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa		X	X	X	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	thành phố (Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa) trở thành bệnh viện tuyến tỉnh đảm nhận chức năng vùng	Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa	Thiên Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa và Bộ Y tế					
1.3	Xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực miền Trung tại Viện Pasteur Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	Bộ Y tế; UBND tỉnh Khánh Hòa	X	X		X	
1.4	Nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế thành Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm cấp vùng	Thừa Thiên Huế	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; Bộ Y tế	X	X		X	
V.3	Mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao							
1	Xây dựng và nâng cấp mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao theo							

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên các cơ sở:							
1.1	Xây dựng Trung tâm chiếu phim quốc gia và trường quay tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND thành phố Đà Nẵng	X	X		X	X
1.2	Đầu tư xây dựng Trung tâm Nghệ thuật Biểu diễn Quốc gia tại Đà Nẵng; xây dựng Trung tâm Triển lãm văn hóa, nghệ thuật quốc gia tại Thừa Thiên Huế	Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng	X	X		X	
1.3	Đầu tư triển khai các dự án bảo quản, tu bổ, tôn tạo, hỗ trợ chống xuống cấp các di sản được UNESCO ghi danh, các di tích quốc gia đặc biệt trong vùng.	Các tỉnh, thành phố trong vùng	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		X	X	X	
1.4	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Đà Nẵng	Đà Nẵng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND thành phố Đà Nẵng	X	X		X	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
1.5	Xây dựng, nâng cấp mở rộng thư viện tại Đà Nẵng, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa thành thư viện trung tâm cấp vùng, khu vực	Đà Nẵng, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa	UBND các tỉnh, thành phố: Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	X	X		X	
2	Nghiên cứu xây dựng Bảo tàng thiên nhiên duyên hải miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		X	X	X	X
3	Nghiên cứu xây dựng hạng mục thiết chế văn hóa trung tâm vùng tại Bình Định; nghiên cứu xây dựng khu liên hợp thể thao theo tiêu chuẩn cấp vùng tại Quảng Ngãi	Bình Định, Quảng Ngãi	UBND các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		X		X	X
V.4	Mạng lưới cơ sở khoa học và công nghệ							
1	Xây dựng, phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ				X	X		

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên các tổ chức:							
1.1	Xây dựng, phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ có tính trọng điểm của vùng, đạt trình độ khu vực, thế giới	Các tỉnh, thành phố trong vùng	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng và Bộ Khoa học và Công nghệ		X	X	X	X
1.2	Xây dựng viện công nghệ sinh học, tỉnh Thừa Thiên Huế thành trung tâm Công nghệ sinh học quốc gia; nâng cấp Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng phục vụ nghiên cứu và phát triển khu vực Nam Trung Bộ	Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng	UBND các tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Bộ Khoa học và Công nghệ		X		X	X
1.3	Xây dựng, phát triển Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo mang tầm quốc gia tại Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế	Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế	UBND các tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Bộ Khoa học và Công nghệ		X		X	X
1.4	Xây dựng, phát triển Trung tâm	Thanh Hóa,	UBND các tỉnh:		X		X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cấp vùng, cấp tiểu vùng tại các địa phương. Ưu tiên tại Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định	Nghệ An, Bình Định	Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định và Bộ Khoa học và Công nghệ					
2	Nghiên cứu xây dựng trung tâm học thuật toàn cầu về di sản và tổ hợp văn hóa tại Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; Bộ Khoa học và Công nghệ		X	X	X	X
3	Nghiên cứu xây dựng trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương tại Khánh Hòa	Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa; Bộ Khoa học và Công nghệ		X	X	X	X
V.5	Hạ tầng thương mại và logistic							
1	Xây dựng, phát triển Khu thương mại tự do, khu phi thuế quan tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	UBND thành phố Đà Nẵng và các bộ, ngành có liên quan		X	X	X	X
2	Xây dựng trung tâm logistic hạng I tại khu vực Cảng Liên Chiểu, Đà Nẵng	Đà Nẵng	UBND thành phố Đà Nẵng; Bộ Công Thương	X	X		X	X
3	Xây dựng, nâng cấp, phát triển các trung tâm logistic hạng II	Các tỉnh, thành	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng;		X	X	X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	cấp vùng, tiểu vùng và các trung tâm logistic khác tại các tỉnh, thành phố gắn với các hành lang kinh tế, đầu mối giao thông	phổ trong vùng	Bộ Công Thương					
4	Nghiên cứu xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm mang tầm quốc tế tại Đà Nẵng; trung tâm hội trợ triển lãm cấp vùng tại Bình Định và các đô thị có tiềm năng	Đà Nẵng, Bình Định	UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Bình Định và Bộ Công Thương		X	X	X	X
VI	Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu							
1	Đầu tư các chương trình, dự án theo Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021 - 2030 được phê duyệt. Ưu tiên các chương trình, dự án:							
1.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu xử lý chất thải tổng hợp Dung	Quảng Ngãi	UBND tỉnh Quảng Ngãi; Bộ Tài nguyên		X		X	X

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	Quất cấp quốc gia tại tỉnh Quảng Ngãi		và Môi trường; Bộ Kế hoạch và Đầu tư					
1.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; nghiên cứu xây dựng cơ sở hạ tầng khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Quảng Ngãi, Thanh Hóa	UBND các tỉnh: Quảng Ngãi, Thanh Hóa; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Kế hoạch và Đầu tư		X	X	X	X
1.3	Điều tra, đánh giá và thành lập mới các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, vùng đất ngập nước quan trọng	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng		X	X	X	
1.4	Tăng cường năng lực quan trắc	Các tỉnh, thành	Bộ Tài nguyên và Môi trường và		X	X	X	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	và cảnh báo môi trường	phổ trong vùng	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng					
1.5	Xây dựng và nâng cấp trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng		X		X	
VII	Bảo vệ và khai thác thủy sản							
1	Xây dựng, phát triển, bảo tồn các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác có thời hạn, khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản và hạ tầng phục vụ khai thác thủy sản theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Trong đó ưu tiên:							
1.1	Đầu tư hạ tầng thiết yếu trong các khu bảo tồn biển như: Hòn Mê (Thanh Hóa), Cồn Cỏ	Thanh Hóa, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế,	UBND các tỉnh: Thanh Hóa, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế,		X	X	X	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	(Quảng Trị), đầm Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), khu vực ven biển Cửa Đại, Cù Lao Chàm (Quảng Nam), khu bảo tồn biển Lý Sơn (Quảng Ngãi), vịnh Vân Phong (Khánh Hòa), Núi Chúa (Ninh Thuận), vịnh Quy Nhơn (Bình Định)	Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Định	Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Định và các bộ, ngành có liên quan					
1.2	Phát triển khu vực cư trú nhân tạo cho các loài thủy sản	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng		X	X	X	
VIII	Khai thác, bảo vệ tài nguyên nước							
1	Đầu tư các chương trình, dự án khai thác, bảo vệ tài nguyên nước theo Quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Ưu tiên các chương trình, dự án:							
1.1	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Tài nguyên và Môi trường và	X	X		X	

TT	Tên chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài	Vốn ngoài ngân sách nhà nước
	nước và giám sát tài nguyên nước quốc gia; hệ thống theo dõi, giám sát việc phối hợp vận hành theo quy trình vận hành liên hồ chứa của các hồ chứa lớn, quan trọng trên các lưu vực sông trong vùng theo thời gian thực		UBND các tỉnh, thành phố trong vùng					
1.2	Dự án xây dựng giải pháp chủ động nguồn nước cho vùng Nam Trung Bộ từ Đà Nẵng đến Bình Thuận	Các tỉnh từ Đà Nẵng đến Bình Thuận	Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND các tỉnh, thành phố từ Đà Nẵng đến Bình Thuận	X	X		X	
1.3	Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả	Các tỉnh, thành phố trong vùng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	X	X		X	X

Phụ lục III
XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định 1281/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
1	Chính sách giao khu vực biển để phát triển ngành thủy sản, hỗ trợ phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và địa phương	2025	Chính phủ
2	Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp được hình thành từ khu vực kinh tế phi chính thức như hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và địa phương	2025	Chính phủ
3	Đề xuất cơ chế xây dựng các mô hình cộng đồng định cư thích ứng với biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai, thân thiện với môi trường vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025 - 2026	Chính phủ
4	Xây dựng thành phố Đà Nẵng thành trung tâm tài chính quốc tế quy mô khu vực theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ	UBND thành phố Đà Nẵng	Các bộ, ngành liên quan	Năm 2025	Chính phủ
5	Phát triển Trường Đại học Nha Trang thành trung tâm đào tạo tiểu vùng Nam Trung Bộ, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về một số ngành khoa học - công nghệ biển và thủy sản	UBND tỉnh Khánh Hòa	Các bộ, ngành liên quan	Năm 2025	Chính phủ
6	Xây dựng trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng tại Ninh Thuận	UBND tỉnh Ninh Thuận	Các bộ, ngành liên quan	Năm 2025	Chính phủ

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
7	Trình dự thảo Luật Khoa học và công nghệ thay thế Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ để thu hút nhiều hơn nguồn lực từ doanh nghiệp dành cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành liên quan	Năm 2025 - 2026	Quốc hội, Chính phủ

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG HẾT HIỆU LỰC
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1281/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên quy hoạch	Cơ quan ban hành	Số Quyết định ban hành	Ngày ban hành
1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	1114/QĐ-TTg	09/7/2013
2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	1874/QĐ-TTg	13/10/2014
3	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	2054/QĐ-TTg	23/11/2015
4	Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ trưởng Bộ Công Thương	2836/QĐ-BCT	06/5/2013
5	Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	Bộ trưởng Bộ Công Thương	3447/QĐ-BCT	22/8/2016